










PHỤ LỤC
DANH MỤC CÁC NGÀNH TUYỂN SINH NĂM 2026

TT	Tên ngành	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển
01	Truyền thông đa phương tiện (mới tuyển năm 2026) 	7320104	Toán, Văn, Anh, Toán, Văn, Sử, Toán, Văn, Địa, Toán, Văn, Hóa, Toán, Văn, Sinh, Toán, Văn, Lý, Toán, Văn, Tin, Toán, Văn, GDKT&PL, Toán, Văn, CNCN, Toán, Văn, CNNN.
02	Quản trị kinh doanh	7340101	Toán, Lý, Hóa, Toán, Lý, Anh, Toán, Lý, Tin, Toán, Hóa, Anh, Toán, Hóa, Tin, Toán, Sinh, Anh, Toán, Anh, Tin, Toán, Văn, Lý, Toán, Văn, Hóa, Toán, Văn, Sinh, Toán, Văn, Anh, Toán, Văn, Tin.
03	Marketing	7340115	
04	Kinh doanh quốc tế	7340120	
05	Quản trị nhân lực	7340404	
06	Tài chính - Ngân hàng	7340201	
07	Bảo hiểm	7340204	
08	Kế toán	7340301	
09	Kiểm toán	7340302	
10	Công nghệ tài chính	7340205	
11	Du lịch	7810101	


12	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Toán, Lý, Hóa, Toán, Lý, Anh, Toán, Lý, Tin, Toán, Hóa, Anh, Toán, Hóa, Tin, Toán, Anh, Tin, Toán, Địa, Anh, Toán, Địa, Tin, Toán, CNCN, Anh, Toán, CNCN, Tin, Toán, Văn, Anh, Toán, Văn, Tin.
13	Quản trị kinh doanh chương trình tiên tiến	7340101C	Toán, Lý, Anh, Toán, Hóa, Anh, Toán, Sinh, Anh, Toán, Sử, Anh, Toán, Văn, Anh, Toán, CNCN, Anh, Toán, GDKT&PL, Anh, Toán, Tin, Anh, Văn, Tin, Anh. Toán, Lý, Hóa, Toán, Lý, Tin, Toán, Hóa, Tin, Toán, Văn, Tin.
14	Marketing chương trình tiên tiến (mới tuyển năm 2026) 	7340115C	
15	Kinh doanh quốc tế chương trình tiên tiến (mới tuyển năm 2026) 	7340120C	
16	Quản trị nhân lực chương trình tiên tiến (mới tuyển năm 2026) 	7340404C	
17	Tài chính - Ngân hàng chương trình tiên tiến	7340201C	
18	Kế toán chương trình tiên tiến	7340301C	
19	Kiểm toán chương trình tiên tiến	7340302C	
20	Luật	7380101	
21	Luật kinh tế	7380107	

			Văn, Sử, Anh, Văn, GDKT&PL, Anh, Văn, Sử, Địa, Văn, Tin, GDKT&PL, Văn, Toán, Tin, Văn, Ngoại ngữ, Tin.
22	Luật kinh tế chương trình tiên tiến	7380107C	Văn, Anh, Toán, Văn, Anh, Sử, Văn, Anh, GDKT&PL, Văn, Anh, Địa, Văn, Anh, Lý, Văn, Anh, Tin, Văn, Anh, CNCN, Văn, Anh, Hóa. Văn, Toán, Lý, Văn, Sử, Địa, Văn, Sử, GDKT&PL.
23	Công nghệ sinh học	7420201	Toán, Hoá, Lý, Toán, Hoá, Sinh, Toán, Hoá, CNNN, Toán, Hoá, CNCN, Toán, Hoá, Tin, Toán, Hoá, Văn, Toán, Lý, Sinh, Toán, Lý, CNNN, Toán, Lý, CNCN, Toán, Lý, Văn, Toán, Sinh, Anh, Toán, Sinh, Văn, Toán, Sinh, Tin, Toán, Sinh, CNNN, Toán, Sinh, CNCN, Toán, CNCN, Anh, Toán, CNNN, Anh.
24	Công nghệ thực phẩm	7540101	Toán, Hoá, Lý, Toán, Hoá, Sinh, Toán, Hoá, Anh, Toán, Hoá, CNNN, Toán, Hoá, CNCN, Toán, Hoá, Tin, Toán, Hoá, Văn,

			Toán, Lý, Sinh, Toán, Sinh, Anh.
25	Sinh học ứng dụng (<i>mới tuyển năm 2026</i>) 	7420203	Toán, Hoá, Lý, Toán, Hoá, Sinh, Toán, Hoá, Anh, Toán, Hoá, CNCN, Toán, Hoá, CNNN, Toán, Hoá, Tin, Toán, Hoá, Văn, Toán, Lý, Sinh, Toán, Lý, CNCN, Toán, Lý, CNNN, Toán, Lý, Văn, Toán, Sinh, Anh, Toán, Sinh, Văn, Toán, Sinh, Tin, Toán, Sinh, CNCN, Toán, Sinh, CNNN, Toán, CNCN, Anh, Toán, CNNN, Anh.
26	Công nghệ sinh học chương trình tiên tiến	7420201C	
27	Khoa học dữ liệu	7460108	Toán, Văn, Lý, Toán, Văn, Hóa, Toán, Văn, Sinh, Toán, Văn, Tin, Toán, Văn, Anh.
28	Toán Ứng dụng (<i>dự kiến tuyển sinh mới từ năm 2026</i>)	7460112	
29	Hệ thống thông tin quản lý	7340405	Toán, Lý, Hóa; Toán, Lý, Anh; Toán, Lý, Tin; Toán, Hóa, Anh; Toán, Hóa, Tin; Toán, Hóa, Sinh; Toán, Anh, Tin; Toán, Địa, Anh; Toán, Địa, Tin; Toán, CNCN, Anh; Toán, CNCN, Tin; Toán, CNNN, Anh; Toán, CNNN, Tin; Toán, Văn, Anh; Toán, Văn, Tin; Toán, Văn, Sinh;
30	Kỹ thuật phần mềm	7480103	
31	An toàn thông tin (<i>mới tuyển năm 2026</i>) 	7480202	
32	Khoa học máy tính	7480101	
33	Trí tuệ nhân tạo	7480107	
34	Công nghệ thông tin	7480201	
35	Công nghệ thông tin chương trình tiên tiến	7480201C	

36	Hệ thống thông tin quản lý chương trình tiên tiến (mới tuyển năm 2026) 	7340405C	Toán, Sinh, Anh; Toán, Sinh, Tin.
37	Khoa học máy tính chương trình tiên tiến	7480101C	
38	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	7510102	Toán, Lý, Hóa, Toán, Lý, Anh, Toán, Văn, Anh, Toán, Hóa, Anh, Toán, Lý, Tin, Toán, Hóa, Tin, Toán, Văn, Tin, Toán, Anh, Tin.
39	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng chương trình tiên tiến	7510102C	
40	Kỹ thuật xây dựng (mới tuyển năm 2026) 	7580201	
41	Quản lý xây dựng	7580302	
42	Kiến trúc (dự kiến tuyển sinh mới từ năm 2026)	7580101	
43	Công nghệ giáo dục (mới tuyển năm 2026) 	7140103	Toán, Văn, Anh, Toán, Lý, Anh, Toán, Hóa, Anh, Toán, Sinh, Anh, Toán, Sử, Anh, Toán, Địa, Anh Toán, GDKT&PL, Anh, Toán, Tin, Anh, Toán, CNCN, Anh, Toán, CNNN, Anh, Văn, Lý, Anh, Văn, Hóa, Anh, Văn, Sinh, Anh, Văn, Sử, Anh, Văn, Địa, Anh, Văn, GDKT&PL, Anh, Văn, Tin, Anh, Văn, CNCN, Anh, Văn, CNNN, Anh.

44	Ngôn ngữ Anh	7220201	Toán, Văn, Anh,
45	Ngôn ngữ Anh chương trình tiên tiến	7220201C	Toán, Lý, Anh, Toán, Hóa, Anh, Toán, Sinh, Anh, Toán, Sử, Anh, Toán, Địa, Anh, Toán, GDKT&PL, Anh, Toán, Tin, Anh, Văn, Lý, Anh, Văn, Hóa, Anh, Văn, Sinh, Anh, Văn, Sử, Anh, Văn, Địa, Anh, Văn, GDKT&PL, Anh, Văn, Tin, Anh.
46	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	Toán, Văn, Anh,
47	Ngôn ngữ Trung Quốc chương trình tiên tiến	7220204C	Toán, Văn, Trung, Văn, Lý, Anh, Văn, Lý, Trung, Văn, Hóa, Anh, Văn, Hóa, Trung, Văn, Sinh, Anh, Văn, Sinh, Trung, Văn, Sử, Anh, Văn, Sử, Trung, Văn, Địa, Anh, Văn, Địa, Trung, Văn, GDKT&PL, Anh, Văn, GDKT&PL, Trung, Văn, Tin, Anh, Văn, Tin, Trung.
48	Ngôn ngữ Nhật	7220209	Toán, Văn, Anh,
49	Ngôn ngữ Nhật chương trình tiên tiến	7220209C	Toán, Văn, Nhật, Văn, Lý, Anh, Văn, Lý, Nhật, Văn, Hóa, Anh, Văn, Hóa, Nhật, Văn, Sinh, Anh, Văn, Sinh, Nhật, Văn, Sử, Anh, Văn, Sử, Nhật, Văn, Địa, Anh,

			Văn, Địa, Nhật, Văn, GDKT&PL, Anh, Văn, GDKT&PL, Nhật, Văn, Tin, Anh, Văn, Tin, Nhật.
50	Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210	Toán, Văn, Anh, Toán, Văn, Hàn, Văn, Lý, Anh, Văn, Lý, Hàn, Văn, Hóa, Anh, Văn, Hóa, Hàn, Văn, Sinh, Anh, Văn, Sinh, Hàn, Văn, Sử, Anh, Văn, Sử, Hàn Văn, Địa, Anh, Văn, Địa, Hàn, Văn, GDKT&PL, Anh, Văn, GDKT&PL, Hàn, Văn, Tin, Anh, Văn, Tin, Hàn.
51	Kinh tế	7310101	Toán, Lý, Hóa, Toán, Lý, Anh, Toán, Lý, Tin, Toán, Hóa, Anh, Toán, Văn, Anh, Toán, Địa, Anh, Toán, Hóa, Tin, Toán, Anh, Tin, Toán, Hóa, CNCN, Toán, Lý, CNCN.
52	Kinh tế đầu tư (mới tuyển năm 2026) 	7310104	
53	Quản lý công	7340403	
54	Kinh tế chương trình tiên tiến	7310101C	Toán, Lý, Anh, Toán, Hóa, Anh, Toán, Văn, Anh, Toán, Tin, Anh, Toán, Sử, Anh, Toán, Địa, Anh, Toán, Văn, Anh. Toán, CNCN, Anh. Toán, Lý, Hóa, Toán, Lý, Tin,

			Toán, Hóa, Tin, Toán, Văn, Tin.
55	Xã hội học	7310301	Văn, Toán, Ngoại ngữ, Văn, Sử, Địa, Văn, Sử, Ngoại ngữ, Văn, Địa, Ngoại ngữ, Văn, Toán, GDKT&PL, Văn, GDKT&PL, Ngoại ngữ, Văn, Sử, GDKT&PL, Văn, Địa, GDKT&PL.
56	Tâm lý học	7310401	
57	Đông Nam Á học	7310620	
58	Công tác xã hội	7760101	
	Chương trình liên kết quốc tế do đối tác cấp bằng		
59	Kinh doanh quốc tế - CTLK ĐH Rouen	7340120RO	Toán, Lý, Hóa, Toán, Lý, Anh, Toán, Lý, Văn, Toán, Hóa, Anh, Toán, Hóa, Văn, Toán, Văn, Anh, Toán, Văn, Địa, Toán, Địa, Anh.
60	Quản trị kinh doanh – CTLK ĐH Flinders	7340101FL	Toán, Lý, Anh, Toán, Văn, Anh, Toán, Hóa, Anh, Toán, Sử, Anh, Toán, Sinh, Anh, Toán, CNCN, Anh, Toán, Tin, Anh, Toán, Địa, Anh, Toán, GDKT&PL, Anh.
61	Tài chính ngân hàng – CTLK ĐH Flinders	7340201FL	
62	Quản trị kinh doanh – CTLK ĐH Southern Queensland	7340101SQ	
63	Quản trị kinh doanh - CTLK ĐH South Wales	7340101SW	
64	Ngôn ngữ Anh – CTLK ĐH Flinders	7220201FL	Toán, Lý, Anh, Toán, Văn, Anh, Toán, Hóa, Anh, Văn, Sử, Anh, Văn, Địa, Anh, Văn, GDKT&PL, Anh.

